

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HSST  
Ngày 24/3/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Miện.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Quốc Doanh

Ông Tạ Minh Tiếp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Lưu Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/TLST-HS ngày 21/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 10/3/2023 đối với:

**\* Bị cáo: Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1990 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký HKTT/ Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1950 và bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1955; Vợ: Vũ Thị Bích N1, sinh năm 1990; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 ( Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07 ngày 15/9/2021 của Công an xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt Nguyễn Hồng S 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, S đã nộp toàn bộ tiền phạt ngày 15/9/2021). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Có mặt.

**\* Bị hại:**

1. Bà Đàm Thị L, sinh năm: 1956 (Có mặt)

2. Ông Lê Xuân Đ1, sinh năm: 1954 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên

3. Ông Lê Văn K, sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Z, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên

5. Chị Phan Thị T, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

6. Anh Đinh Văn T1, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên

2. Ông Trần Xuân T3, sinh năm: 1956 (Vắng mặt)

HKTT: Số nhà B, N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ tạm trú: Thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**\* Người làm chứng:**

1. Bà Lê Thị L1, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên

2. Anh Trần Quốc C, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà B, N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Nguyễn Hồng S không có nghề nghiệp ổn định. S biết các vườn cây của người dân ở xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên thường có xe kéo tự chế để chở cây nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Từ ngày 07/12/2021 đến ngày 18/12/2021, S đã 3 lần chiếm đoạt xe tự kéo của các chủ sở hữu khác nhau, cụ thể như sau:

***Lần thứ nhất:*** Sáng ngày 07/12/2021, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JUPITER, biển số: 29V9 - 0818, chở Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 ở khu phố V, thị trấn K đi lên huyện V, rồi đi vòng quanh khu vực xã X, huyện V để tìm xem nhà nào có xe kéo tự chế thì sẽ tìm cách chiếm đoạt để mang bán. Đến trưa cùng ngày, S đi đến đoạn đường bê tông trước cửa vườn cây Tịnh Thảo tại thôn D, xã X của gia đình chị Phan Thị T, sinh năm 1986 ở thôn S, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội. S thấy có một chiếc xe kéo tự chế (được xác định là của vợ chồng chị Phan Thị T và anh Đinh Văn T1, xe được làm bằng sắt, dài khoảng 03m, thân xe làm bằng các ống tuýp và các thanh sắt hàn với nhau, cang xe được làm bằng tuýp sắt

hàn nối vào nhau) để ở ven đường tại trước cửa vườn của nhà chị T. Thấy vậy, S bảo H đứng chờ ở xe mô tô để S vào hỏi mượn xe. S vào trong vườn cây của nhà chị T gặp bà Lê Thị L1, sinh năm 1959 ở thôn H, xã X đang làm vườn nên hỏi: “Cho cháu mượn xe kéo khoảng 5 - 10 phút”. Bà L1 không đồng ý cho S mượn xe, rồi tiếp tục làm việc trong vườn. Sau đó, S tự ý đi ra vị trí chiếc xe kéo rồi dùng tay cầm càng xe, kéo xe đi ra chỗ H đang chờ. S điều khiển xe mô tô chở H, H ngồi sau dùng tay cầm càng xe kéo. Cả hai mang xe đi bán được 400.000 đồng. S cùng H đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Việc H đi cùng S là từ lời khai của S, chứng cứ khác là hình ảnh chụp camera an ninh do bị hại cung cấp không rõ mặt, cơ quan điều tra chưa làm việc được với H.

**Lần thứ hai:** Sáng ngày 17/12/2021, S điều khiển xe mô tô biển số 29V9 - 0818 đến đoạn đường bê tông thuộc địa phận thôn A, xã X thì thấy một chiếc xe kéo tự chế (xe được sơn màu đỏ, dài khoảng 3m, rộng 90cm, cao 1,3m; thân, càng và thành xe được làm bằng 05 cây tuýp sắt phi 18 được hàn vào nhau; mặt và thành xung quanh xe được ốp từ 02 tấm tôn, xe được lắp bằng 01 trục và hai bánh xe mô tô cũ) được xác định là của vợ chồng ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị M để ở ven đường, ngay gần vị trí của nhà ông K. Thấy không có người trông giữ, S đã tự ý đi đến vị trí chiếc xe kéo trên, dùng đoạn dây nilon nhặt ở đường buộc càng xe kéo tự chế vào đuôi xe mô tô biển số 29V9 - 0818, rồi điều khiển xe mô tô, kéo theo xe tự chế đi bán được 400.000 đồng. S đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ nhất và lần thứ hai S đều khai đã bán xe kéo tự chế trộm cắp được cho ông Nguyễn Văn T2 nhưng ông T2 không nhớ đã mua xe của S.

**Lần thứ ba:** Khoảng 14h00 ngày 18/12/2021, S điều khiển xe mô tô biển số 29V9 - 0818 đến xã X. Khi đi đến đoạn đường bê tông thuộc địa phận thôn H, xã X thì thấy có một chiếc xe kéo tự chế được xác định là của gia đình bà Đàm Thị L (xe được làm bằng sắt, có hai bánh là lốp cao su, mặt xe có kích thước khoảng (1,8 x 1)m, không có thành xung quanh, hai càng xe được làm bằng tuýp sắt, mỗi bên dài khoảng 1,5m) để ở ven đường và đối diện với cửa nhà của bà Đàm Thị L. S thấy bà L đi ra nên giả vờ hỏi mượn xe để chở cây, nhằm tạo ra sự tin tưởng để bà L cho S mượn xe. Bà L nghĩ S là khách đến mua cây của người dân nên đã đồng ý cho S mượn chiếc xe trên. Sau đó, S dùng sợi dây nilon nhặt được từ trước buộc càng xe kéo tự chế vào phía sau xe mô tô, rồi điều khiển xe mô tô kéo theo xe kéo tự chế đi bán cho ông Nguyễn Văn T2, bị cáo khai bán được 550.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Đến ngày 20/12/2021, bà L không thấy S mang xe kéo tự chế đến trả nên đã làm đơn trình báo đến Công an xã X. Ông T2 nhớ đã mua xe của S nhưng chỉ nhớ đã trả S khoảng 450.000 đồng.

Ngày 21/12/2021, S tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên đi quanh khu vực xã X thì bị Công an xã X phát hiện, nghi ngờ có đặc điểm giống với đối tượng đã chiếm đoạt tài sản của bà L nên đã yêu cầu S về trụ sở Công an xã để làm việc, thu giữ các vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu JUPITER, biển số 29V9-0818. Công

an xã X đã thu được tại cửa hàng nhà ông T2 ở thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 01 xe kéo tự chế đã cắt dời từng bộ phận (do ông T2 tự nguyện giao nộp).

Ngày 26/12/2021, Công an xã X đã bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng với vật chứng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 11/01/2022 và ngày 12/4/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện V xác định giá trị của xe kéo tự chế của gia đình bà L, ông K, chị T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/BKL-ĐGTS ngày 24/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện V kết luận: Xe kéo tự chế của gia đình chị T là 01 xe kéo tự chế, toàn bộ xe làm bằng sắt, dài khoảng 3<sup>m</sup> (*thùng xe dài khoảng 1,5<sup>m</sup>; cang xe dài khoảng 1,5<sup>m</sup>*), thân xe làm bằng các ống tuýp và các thanh sắt hàn với nhau, cang xe làm bằng tuýp sắt hàn nối vào nhau có giá trị là 3.500.000<sup>d</sup>;

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 50/BKL-ĐGTS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện V kết luận: Xe kéo tự chế của gia đình ông K là 01 xe kéo tự chế, sơn màu đỏ, dài khoảng 3<sup>m</sup>, rộng 90<sup>cm</sup>, cao 1,3<sup>m</sup>; thân, cang và thành xe làm bằng 05 cây tuýp sắt phi 18 hàn vào nhau; mặt và thành xung quanh được ốp từ 02 tấm tôn; 01 trục và hai bánh xe mô tô cũ có giá trị là 2.500.000<sup>d</sup>.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51/BKL-ĐGTS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện V kết luận: Xe kéo tự chế của gia đình bà L là 01 xe kéo tự chế, toàn bộ xe làm bằng sắt, có hai bánh là lốp cao su, mặt xe có kích thước khoảng (1,8x1)m, không có thành xung quanh, hai cang xe làm bằng tuýp sắt, mỗi bên dài khoảng 1,5m, có giá trị là 2.000.000<sup>d</sup>.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã cho bà L, ông K, chị T nhận dạng tài sản là chiếc xe kéo đã bị cắt dời từng bộ phận do ông T2 mua của S giao nộp. Nhưng các bị hại đều xác định không phải xe kéo tự chế của gia đình mình. Bị cáo khẳng định chiếc xe này là do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt được nhưng không nhớ thời gian, địa điểm và không biết chủ sở hữu là ai. Do đó Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý sau. Các bị hại đều không yêu cầu S phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nhưng đề nghị xử lý S theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô JUPITER màu đen, biển số 29V9-0818 mà S sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là do S mượn của anh Trần Quốc C, sinh năm 1983 ở số nhà B, N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu chủ sở hữu chiếc xe và xác định: Chiếc xe biển số 29V9-0818, số máy 5B92-001142, số máy RLCJ5B920-6Y001142 thuộc sở hữu của ông Trần Xuân T3, sinh năm 1956 (là bố đẻ của anh C). Ông T3 không biết việc anh C cho S mượn xe, anh C cho S mượn xe để làm phương tiện đi lại và không biết S sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh C và ông T3. Ngày 17/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho ông T3 chiếc xe mô tô trên. Ông T3 nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hồng S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi mượn xe của gia đình bà L rồi mang đi bán, nhưng không thừa nhận hành vi trộm cắp xe kéo của gia đình ông K và bà T mà S cho rằng đã hỏi mượn xe rồi mới mang xe đi bán.

Đối với Nguyễn Văn H mà S khai đã cùng S đi thực hiện hành vi lấy xe của gia đình chị T mang đi bán, Cơ quan CSĐT Công an huyện V nhiều lần triệu tập và trực tiếp đến nhà của H tại thôn T, thị trấn K để xác minh, nhưng H không có mặt ở nhà. Gia đình và chính quyền địa phương đều không biết H đang ở đâu và làm gì. Vì thời hạn điều tra đối với vụ án trên đã hết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã Quyết định tách hành vi của H để tiếp tục xác minh bằng một vụ việc khác để xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKSVG ngày 21/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Hồng S về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên, xác định còn thực hiện một hành vi chiếm đoạt tài sản nữa tại xã X là xe kéo tự chế nhưng không biết bị hại là ai. Bị cáo khẳng định tất cả các lần chiếm đoạt tài sản bị cáo đều hỏi mượn xe, được cho mượn bị cáo mới lấy xe đi nhưng bị cáo không biết người cho bị cáo mượn xe là ai và người đó có phải là chủ sở hữu hay người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe đó hay không và số tiền bán xe kéo tự chế chiếm đoạt được của gia đình chị T anh T1 là 400.000 đồng, của ông K bà M là 400.000 đồng, của bà L ông Đ1 là 550.000 đồng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà Đàm Thị L đề nghị bị cáo bồi thường giá trị xe kéo tự chế của gia đình bà mà bị cáo đã chiếm đoạt là 2.000.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường cho vợ chồng bà L số tiền trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang rút tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r đối với bị cáo và giữ nguyên các quan điểm khác đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 173; khoản 1 điều 174; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 55; Điểm a khoản 1 điều 46; Điểm b khoản 1 điều 47; điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 357, 468; 584; 589 Bộ luật dân sự;

- Điểm b khoản 2 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng bà Đàm Thị L, ông Lê Xuân Đ1 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thùng xe đã được cắt nhỏ thành các tấm kim loại, bánh xe được tháo rời, cán xe đã được cắt nhỏ thành các thanh kim loại, do chưa xác định được chủ sở hữu nên đề nghị HĐXX chuyển Công an huyện V tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Về biện pháp tư pháp: Do bị cáo đã phải bồi thường cho bà L và ông Đ1 nên không truy thu khoản tiền 550.000 đồng bị cáo bán xe kéo tự chế của bà L và ông Đ1. Các bị hại khác không yêu cầu bồi thường nên truy thu của bị cáo 800.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật.

- Bị hại và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt họ.

**[2]. Về hành vi phạm tội:** Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo quy định của pháp luật. Do đó HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Hồng S đã thực hiện 3 hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- Sáng ngày 07/12/2021, tại trước cửa vườn cây Tịnh Thảo tại thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, S đã lén lút trộm cắp 01 xe kéo tự chế có đặc điểm: Toàn bộ xe làm bằng sắt, dài khoảng 3<sup>m</sup> (*thùng xe dài khoảng 1,5<sup>m</sup>; cang xe dài khoảng 1,5<sup>m</sup>*), thân xe làm bằng các ống tuýp và các thanh sắt hàn với nhau, cang xe làm bằng tuýp sắt hàn nối vào nhau, trị giá 3.500.000 đồng của vợ chồng chị Phan Thị T, anh Đinh Văn T1 mang đi bán được 400.000 đồng và sử dụng hết.

- Sáng ngày 17/12/2021, tại ven đường gần nhà ông Lê Văn K tại thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, S đã lén lút trộm cắp 01 xe kéo tự chế có đặc điểm: S màu đỏ, dài khoảng 3<sup>m</sup>, rộng 90<sup>cm</sup>, cao 1,3<sup>m</sup>, thân, cang và thành xe làm bằng 05 cây tuýp sắt phi 18 hàn vào nhau; mặt và thành xung quanh được ốp từ 02 tấm tôn, 01 trục và hai bánh xe mô tô cũ, trị giá 2.500.000 đồng của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị M mang đi bán được 400.000 đồng và sử dụng hết.

- Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/12/2021, tại ven đường bê tông đối diện với cửa nhà của bà Đàm Thị L thuộc địa phận thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, S không có ý định mượn xe nhưng đã cố ý hỏi bà L mượn chiếc xe tự kéo có đặc điểm: Toàn bộ xe làm bằng sắt, có hai bánh là lốp cao su, mặt xe có kích thước khoảng (1,8x1)m, không có thành xung quanh, hai cang xe làm bằng tuýp sắt, mỗi bên dài khoảng 1,5m trị giá 2.000.000 đồng để tiếp cận tài sản. Sau khi được bà L cho mượn xe, S đã mang xe đi bán cho ông Nguyễn Văn T2 được 550.000 đồng và sử dụng hết.

Mặc dù bị cáo khai đã hỏi mượn xe của gia đình chị T, ông K rồi mới mang xe đi bán nhưng lời khai của bị cáo không có căn cứ chứng minh, người bị cáo hỏi mượn xe là bà L1 cũng khẳng định mặc dù có người hỏi mượn xe nhưng bà không cho mượn nên HĐXX xác định hai lần chiếm đoạt tài sản này là bị cáo tự ý lấy xe rồi mang đi bán. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hai hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản vào ngày 07/12/2021 của vợ chồng chị T và ngày 17/12/2021 của vợ chồng ông K nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối tiếp cận rồi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà L vào ngày 18/12/2021 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

**[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và hình phạt chính:**

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, khi chưa ai phát hiện ra người thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã tự khai nhận hành vi phạm tội ngày 07/12/2021 và ngày 17/12/2021, gia đình bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang không áp dụng điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây hoang mang lo lắng đối với những người có tài sản trong việc trông coi, cất giữ tài sản của mình. Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã 02 lần trộm cắp tài sản, 01 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu, thể hiện nổi sống buông thả, thái độ coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

**[4]. Về hình phạt bổ sung:** Bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**[5]. Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại bà L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe tự kéo đã bị bị cáo chiếm đoạt là 2.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận, bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng bà L và ông Đ1 2.000.000 đồng. Các bị hại khác không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị các xe kéo tự chế đã bị bị cáo chiếm đoạt nên không đề cập giải quyết.

**[6]. Về xử lý vật chứng:**

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại 01 xe mô tô biển số 29V9-0818 cho chủ sở hữu là ông Trần Xuân T3 là phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nay không đề cập giải quyết.



- Đối với 01 thùng xe đã được cắt nhỏ thành các tấm kim loại, bánh xe được tháo rời, cán xe đã được cắt nhỏ thành các thanh kim loại. Ông T2 khai mua xe kéo tự chế của bị cáo trong tháng 12/2021 rồi cắt nhỏ như trên. Bị cáo khẳng định chiếc xe này bị cáo đã lừa đảo, chiếm đoạt được nhưng không nhớ thời gian và không nhớ chiếm đoạt của ai. Như vậy, đã có dấu hiệu của hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến chiếc xe này và hiện tại chưa xác định được chủ sở hữu nên cần chuyên Công an huyện V để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo thẩm quyền.

**[7]. Về biện pháp tư pháp:** Mặc dù các bị hại là vợ chồng chị T, ông khanh không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị bị cáo chiếm đoạt nhưng số tiền 800.000 đồng bị cáo bán các xe kéo tự chế là tiền phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo số tiền này sung quỹ nhà nước. S khai đã cùng H sử dụng hết số tiền bán xe kéo tự chế chiếm đoạt của gia đình chị T là 400.000 đồng nhưng chưa có căn cứ xử lý đối với H nên HĐXX truy thu toàn bộ số tiền này của bị cáo. Khi có kết quả điều tra đối với H mà phát sinh tranh chấp về số tiền này thì xử lý cùng vụ việc đối với trách nhiệm của H.

Đối với số tiền 550.000 đồng bị cáo bán xe kéo tự chế đã chiếm đoạt của gia đình bà L và ông Đ1, do bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên không truy thu của bị cáo số tiền này.

**[8]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**[9]. Các vấn đề khác:**

- Đối với Nguyễn Văn H, S khai H đã cùng S trộm cắp tài sản của gia đình chị T ngày 07/12/2021 nhưng chưa đủ căn cứ khởi tố bị can. Hiện tại H không có mặt tại địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V không triệu tập được H nên đã tách hành vi của H để tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ xử lý sau. Việc tách hành vi của H của cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét xử lý hành vi của H trong vụ án này.

- Không có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn T2 biết tài sản bị cáo trộm cắp, lừa đảo mà vẫn mua nên không có căn cứ xử lý. Ông Trần Xuân T3, anh Trần Quốc C đều không biết S dùng xe của ông T3 vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

- S còn khai nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe kéo tự chế tại thôn E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên nhưng chưa xác định được bị hại nên chưa đủ căn cứ xử lý.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Căn cứ vào:**

- Khoản 1 điều 173; khoản 1 điều 174; điểm h, s, r khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 55; Điểm a khoản 1 điều 46; Điểm b khoản 1 điều 47; Khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự.

- Điều 357, khoản 2 Điều 468; khoản 1 điều 584; khoản 1 điều 585; khoản 1 điều 589 Bộ luật dân sự.

- Điểm b khoản 2 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Tuyên bố** bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**3. Mức hình phạt:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 07/11/2022.

**4. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng bà Đàm Thị L, sinh năm 1956 và ông Lê Xuân Đ1, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**5. Về biện pháp tư pháp:** Truy thu của bị cáo 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

**6. Về xử lý vật chứng:** Chuyển Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên quản lý 01 thùng xe đã được cắt nhỏ thành các tấm kim loại, bánh xe được tháo rời, cán xe đã được cắt nhỏ thành các thanh kim loại để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo thẩm quyền.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang)*

**7. Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Hồng S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

**8. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại bà Đàm Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang;
- Công an huyện Văn Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Văn Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Thị Miện*